

SUMMARY AND CERTIFICATION OF POST-ELECTION HAND COUNT AUDIT RESULTS
(RESUMEN Y CERTIFICACIÓN DE LOS RESULTADOS DE LA AUDITORÍA DE CONTEO MANUAL POSTERIOR A LA ELECCIÓN)
TÓM TẮT VÀ CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU THỦ CÔNG SAU BẦU CỬ
选举后人工计票审计结果汇总与认证

I, the undersigned, General Custodian of Election Records for the Bridgestone Municipal Utility District Directors Election, held on the 2nd day of May, 2026, in Harris County, Texas, do hereby certify that the following is a comparison total of all votes received by each candidate and votes received “for” and “against” each measure as tabulated by the voting system equipment to the total votes as tabulated by the Post-Election Hand Count Audit at the following polling locations and precincts. The Post-Election Hand Count Audit was completed and concluded on the 6th day of May, 2026. I further certify that the comparison includes the results for early voting in person, election day voting in person, and ballots by mail received under Section 87.1231 of the Texas Election Code.

Yo, el abajo firmante, Custodio General de los Registros Electorales de las elecciones de Distrito de Servicios Públicos Municipales de Bridgestone, celebradas el día 2 de mayo 2026 en el Condado de Harris, Texas, certifico por la presente que lo que sigue es una comparación del total de votos recibidos por cada candidato y los votos recibidos “a favor” y “en contra” de cada medida, según lo tabulado por el equipo del sistema de votación, con el total de votos tabulado por la Auditoría de Conteo Manual Posterior a la Elección en los siguientes centros de votación y precinctos. La Auditoría de Conteo Manual Posterior a la Elección se completó y concluyó el 6 de mayo, 2026. Certifico además que la comparación incluye los resultados de la votación adelantada en persona, la votación en persona el día de las elecciones y las boletas por correo recibidas en virtud de la Sección 87.1231 del Código Electoral de Texas.

Tôi, người ký tên dưới đây, với tư cách là Người Giữ hồ sơ Bầu cử Tổng quát cho Cuộc bầu cử Ban Giám đốc Khu vực Tiện ích Đô thị Bridgestone, được tổ chức vào ngày 02 tháng 5 năm 2026 tại Quận Harris, Texas, xin trân trọng xác nhận rằng nội dung dưới đây là bảng so sánh tổng số phiếu bầu mà mỗi ứng cử viên nhận được, cũng như số phiếu “ủng hộ” và “phản đối” đối với từng biện pháp bầu cử—được tổng hợp bởi hệ thống thiết bị bỏ phiếu—với tổng số phiếu được tổng hợp thông qua Cuộc kiểm phiếu thủ công sau bầu cử tại các địa điểm bỏ phiếu và khu vực bầu cử sau đây. Cuộc kiểm phiếu thủ công sau bầu cử đã được hoàn tất và kết thúc vào ngày 06 tháng 5 năm 2026. Tôi cũng xin xác nhận thêm rằng bảng so sánh này bao gồm kết quả của việc bỏ phiếu sớm trực tiếp, bỏ phiếu trực tiếp trong ngày bầu cử chính thức, và các phiếu bầu gửi qua thư nhận được theo Mục 87.1231 của Bộ luật Bầu cử Texas.

本人，即 2026 年 5 月 2 日于德克萨斯州哈里斯县举行的“Bridgestone 市政公用事业区董事选举”之选举记录总保管人，特此证明：下文所列数据系对各候选人所得选票总数，以及针对各项议案的“赞成”与“反对”票总数进行的对比汇总；其中，左侧数据系由投票系统设备统计得出，右侧数据系由针对下列投票地点及选区进行的“选后人工计票审计”统计得出。本次选后人工计票审计已于 2026 年 5 月 6 日全部完成并宣告结束。本人进一步证明，上述对比数据涵盖了现场提前投票、选举日现场投票，以及依据《德克萨斯州选举法》第 87.1231 条规定所接收的邮寄选票的统计结果。

DATED, this 12th day of May, 2026
FECHADO, este día 12 de mayo 2026
Lập ngày 12 tháng 5 năm 2026.
签署于 2026 年 5 月 12 日


General Custodian
Custodio General de los Registros Electorales
Nhân viên Bảo trì Tổng quát
综合管理员

EARLY VOTING
(VOTACIÓN ADELANTADA)
Bỏ phiếu sớm
提前投票

Election Precinct:
Precinto Electoral
Khu vực bầu cử
选举选区

Name of Office/Proposition <i>(Nombre de la Oficina/Propuesta)</i> Tên chức vụ/Đề xuất 职位/提案名称	Candidate/"For" or "Against" <i>(Candidato/"A Favor" o "En Contra")</i> Ứng viên / "Ủng hộ" hay "Phản đối" 候选人 / "支持" 或 "反对"	Electronically Tabulated Results <i>(Resultados Tabulados Electrónicamente)</i> Kết quả được tổng hợp điện tử 电子计票结果	Total Votes Received (Hand Count) <i>(Total de Votos Recibidos (Conteo Manual))</i> Tổng số phiếu nhận được (Kiểm phiếu thủ công) 收到的总票数 (人工计票)
Director Director Giám đốc 导演	David Berry	115	115
Director Director Giám đốc 导演	Michael Crayton	131	131
Director Director Giám đốc 导演	Jeff Gebhart	47	47

ELECTION DAY
 (DÍA DE LA ELECCIÓN)
 Ngày bầu cử
 选举日

Election Precinct:
Precinto Electoral
 Khu vực bầu cử
 选举选区

Name of Office/Proposition <i>(Nombre de la Oficina/Propuesta)</i> <i>Tên chức vụ/Đề xuất</i> <i>职位/提案名称</i>	Candidate/"For" or "Against" <i>(Candidato/"A Favor" o "En Contra")</i> <i>Ứng viên / "Ủng hộ" hay "Phản đối"</i> <i>候选人 / "支持" 或 "反对"</i>	Electronically Tabulated Results <i>(Resultados Tabulados Electrónicamente)</i> <i>Kết quả được tổng hợp điện tử</i> <i>电子计票结果</i>	Total Votes Received (Hand Count) <i>(Total de Votos Recibidos (Conteo Manual))</i> <i>Tổng số phiếu nhận được (Kiểm phiếu thủ công)</i> <i>收到的总票数 (人工计票)</i>
Director Director Giám đốc 导演	David Berry	80	80
Director Director Giám đốc 导演	Michael Crayton	87	87
Director Director Giám đốc 导演	Jeff Gebhart	38	38